TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình;

Ông Nguyễn Văn Nhòng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyện, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn S xây dựng gia đình với nhau tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn; anh chị tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 05/01/2020. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, dẫn đến vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc. Từ tháng 8/2021 đến nay, anh chị sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị G yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh S theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2022 và tại phiên hòa giải, bị đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày:

Chị Nguyễn Thị G trình bày về việc anh chị chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn từ ngày 05/01/2020 là đúng thực tế. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, nên vợ chồng hay cãi nhau. Từ tháng 8 năm 2021 đến nay, anh chị sống ly thân. Nay, chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh theo quy định của pháp luật, anh cũng đồng ý. Về con chung, tài sản chung: Anh chị không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70,71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn S. Về con chung, tài sản chung: Anh chị không có con chung, tài sản chung nên không đặt ra giải quyết. Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn S, hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 05 tháng 01 năm 2020, nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, thì quan hệ vợ chồng giữa chị G và anh S không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên anh chị chung sống với nhau không hạnh phúc. Do mâu thuẫn nên từ tháng 8 năm 2021 đến nay, anh chị sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Xét thấy, chị G và anh S có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn vợ chồng chị G yêu cầu ly hôn anh S. Vì vậy, cần căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị G và anh S.

[4] Về con chung: Anh chị không có con chung nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh chị xác nhận không có tài sản chung nên không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn S.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị G đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số 0006265 ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Chị G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã C, UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Chi